

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

MỤC LỤC

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

190
CỔ
CỔ
TẬP
ĐOÀN
GREEN+

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, phân bón, đầu tư tài chính và cho thuê mặt bằng.

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh An Giang và Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	từ ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 5 tháng 4 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

09
G
PH
ĐC
EE
NH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		485.841.623.527	249.186.824.881
110	I. Tiền	5	62.263.520.497	18.873.580.089
111	1. Tiền		62.263.520.497	18.873.580.089
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		85.503.000.000	62.889.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	5.503.000.000	13.100.354.462
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			(211.354.462)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		304.915.424.073	161.768.201.942
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	6.307.604.168	21.636.836.638
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	87.931.659.801	33.717.839.600
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	60.000.000.000	40.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	150.805.000.004	66.785.251.451
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(128.839.900)	(371.725.747)
140	IV. Hàng tồn kho	11	5.350.695.426	5.448.563.785
141	1. Hàng tồn kho		5.350.695.426	5.448.563.785
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		808.983.531	207.479.065
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	590.964.749	80.320.127
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	218.018.782	127.158.938
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		220.771.279.951	194.604.418.990
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		643.250.000	643.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	643.250.000	643.250.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		11.647.353.672	11.786.630.838
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	8.934.746.468	9.059.024.594
222	Nguyên giá		9.870.500.000	9.870.500.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(935.753.532)	(811.475.406)
227	2. Tài sản vô hình	13	2.712.607.204	2.727.606.244
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(287.200.796)	(272.201.756)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	60.125.270.849	60.264.083.348
231	1. Nguyên giá		62.300.000.000	62.300.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.174.729.151)	(2.035.916.652)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		97.133.302	97.133.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		97.133.302	97.133.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		147.160.000.000	121.135.272.936
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	18.250.000.000	18.225.272.936
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	128.910.000.000	102.910.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.098.272.128	678.048.566
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	1.098.272.128	678.048.566
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	-	-
269	3. Lợi thế thương mại	19	-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		679.612.903.478	443.791.243.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		95.627.905.507	14.708.454.250
310	I. Nợ ngắn hạn		95.627.905.507	14.615.954.250
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		138.238.934	99.586.328
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	29.790.000.000	3.000.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.416.726.105	7.503.676.185
314	4. Phải trả người lao động		427.121.868	181.295
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			120.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		40.662.409.587	2.360.000
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	23.193.409.013	3.890.150.442
330	II. Nợ dài hạn		-	92.500.000
337	1. Phải trả dài hạn khác			92.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		583.984.997.971	429.082.789.621
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	583.984.997.971	429.082.789.621
411	1. Vốn cổ phần		415.940.000.000	320.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		415.940.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		97.564.000.000	40.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.920.548.275	55.212.547.997
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		55.212.547.997	17.448.041.526
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		708.000.278	37.764.506.471
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.5	14.560.449.696	13.870.241.624
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		679.612.903.478	443.791.243.871



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
					Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		134.131.811.384	1.619.795.984	134.131.811.384	1.619.795.984
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(315.000.000)		(315.000.000)	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	133.816.811.384	1.619.795.984	133.816.811.384	1.619.795.984
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(126.394.227.786)	(646.891.939)	(126.394.227.786)	(646.891.939)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.422.583.598	972.904.045	7.422.583.598	972.904.045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.066.067.549	805.408.201	1.066.067.549	805.408.201
22	7. Chi phí tài chính	23	(602.197.673)	(168.095.038)	(602.197.673)	(168.095.038)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(208.725.558)		(208.725.558)	
25	8. Chi phí bán hàng	24	(709.737.834)	(569.412.822)	(709.737.834)	(569.412.822)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(2.787.115.592)	(1.474.277.924)	(2.787.115.592)	(1.474.277.924)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.389.600.048	(433.473.538)	4.389.600.048	(433.473.538)
31	11. Thu nhập khác	25	1.360.008	9.600.000	1.360.008	9.600.000
32	12. Chi phí khác	26	(2.112.543.040)	(185.923.909)	(2.112.543.040)	(185.923.909)
40	13. Lợi nhuận khác		(2.111.183.032)	(176.323.909)	(2.111.183.032)	(176.323.909)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.278.417.016	(609.797.447)	2.278.417.016	(609.797.447)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(999.356.106)		(999.356.106)	
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.279.060.910	(609.797.447)	1.279.060.910	(609.797.447)
61	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		708.000.278		708.000.278	
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty không kiểm soát		571.060.632		571.060.632	

(Handwritten signature)

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng
Ngày 14 tháng 5 năm 2022

M.S.D.N: 1301009978 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
GREEN+
H. CHÂU ĐÀNG
Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		708.000.278	(609.797.447)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	278.089.665	194.639.664
03	Dự phòng		(373.840.575)	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	23		
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		612.249.368	(415.157.783)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(55.780.614.268)	(68.723.551.309)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		97.868.359	419.213.005
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.624.377.032	246.508.747
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		-	(880.712)
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		7.597.354.462	(4.320.549.000)
14	Tiền lãi vay đã trả			
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(8.568.553.116)	(1.664.356.268)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(53.417.318.163)	(74.458.773.320)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(55.000.000.000)	(90.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		29.000.000.000	
27	Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(56.000.000.000)	(140.000.000.000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	20.1	153.504.000.000	235.200.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	19	21.273.229.947	
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.969.971.376)	(22.378.868.966)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		172.807.258.571	212.821.131.034

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		43.389.940.408	(1.637.642.286)
60	Tiền đầu kỳ		18.873.850.089	23.502.729.226
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền cuối kỳ	4	62.263.520.497	21.865.086.940



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, phân bón, đầu tư tài chính và cho thuê mặt bằng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 26 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 37).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có một công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh (“Organic Tiến Thịnh”) là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0316756875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Organic Tiến Thịnh có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Organic Tiến Thịnh là bán buôn chuyên doanh khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm 85,7% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

178
CY
LN
AN
N-4
-2-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa

30 - 50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Thanh lý Công ty Cổ phần Linh Chi Vina ("Linh Chi Vina")

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Linh Chi Vina cho nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2021/Green+/BBH-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị là 36.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty hiện không còn nắm quyền sở hữu trong Linh Chi Vina sau ngày 18 tháng 6 năm 2021. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 17.510.452.916 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

5. TIỀN

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	48.152.665.122	18.858.607.089
Tiền mặt	14.110.855.375	14.973.000
TỔNG CỘNG	62.263.520.497	18.873.580.089

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội CTCP Quốc Cường Gia Lai	5.503.000.000	5.503.000.000		12.544.354.462	12.427.000.000	(117.354.462)
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải				556.000.000	462.000.000	(94.000.000)
TỔNG CỘNG	5.503.000.000	5.503.000.000		13.100.354.462	12.889.000.000	(211.354.462)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng	50.000.000.000	50.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	30.000.000.000	
TỔNG CỘNG	80.000.000.000	50.000.000.000

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây có kỳ hạn gốc là mười hai (12) tháng, hưởng lãi suất là 4,6%/năm. Và có kỳ hạn gốc là một (1) tháng, hưởng lãi suất là 2,7%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	901.654.168	15.884.386.638
Ông Lâm Văn Xuân		15.000.000.000
	-	-
Khác	901.654.168	373.691.998
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>5.405.950.000</u>	<u>5.752.450.000</u>
TỔNG CỘNG	6.307.604.168	21.636.836.638
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(128.839.900)</u>	<u>(371.725.747)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>6.178.764.268</u>	<u>21.265.110.891</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Năm trước
Số đầu quý	371.725.747	291.326.013
Dự phòng trích lập trong kỳ		80.399.734
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	<u>242.885.847</u>	
Số cuối quý	<u>128.839.900</u>	<u>371.725.747</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tổng Đài Địa Ốc Việt Nam	46.000.000.000	29.000.000.000
Công ty TNHH Phân bón Hưng Phú		3.000.000.000
Công ty TNHH VTNN HƯNG THẠNH	8.750.000.000	
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	1.100.000.000
Ginseng and Herb Co-op	479.094.000	477.849.600
Khác	<u>33.802.565.801</u>	<u>139.990.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>87.931.659.801</u>	<u>33.717.839.600</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công	<u>60.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>

Đây là khoản cho vay tín chấp đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2022 và hưởng lãi suất 1%/năm.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Quý 1 năm 2022	Số đầu năm
Ngắn hạn	150.805.000.004	66.785.251.451
Phải thu từ bên khác	150.805.000.004	64.970.456.930
<i>Tạm ứng nhân viên</i>	86.400.000.00	37.372.000.000
Ông Nguyễn Văn Lai	24.000.000.000	25.000.000.000
<i>Lãi tiền gửi</i>		2.154.166.667
Ông Lâm Văn Xuân	15.000.000.000	-
<i>Khác</i>	25.405.000.004	444.290.263
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)		1.814.794.521
Dài hạn	643.250.000	643.250.000
Ký quỹ ký cược	643.250.000	643.250.000
Khác	-	-
TỔNG CỘNG	<u>151.448.250.004</u>	<u>67.428.501.451</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Hàng hóa	5.183.377.031	5.244.024.520
Hàng gửi đi bán	135.282.192	172.503.062
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
TỔNG CỘNG	<u>5.350.695.426</u>	<u>5.448.563.785</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

VND

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	6.532.500.000	3.338.000.000	9.870.500.000
Mua trong quý	-		
Số cuối quý	6.532.500.000	3.338.000.000	9.870.500.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(598.812.500)	(212.662.906)	(811.475.406)
Khấu hao trong quý	(40.828.125)	(83.450.001)	(124.278.126)
Số cuối quý	(639.640.625)	(296.112.907)	(935.753.532)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	5.933.687.500	3.125.337.094	9.059.024.594
Số cuối quý	5.892.859.375	3.041.887.093	8.934.746.468



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>2.999.808.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(272.201.756)
Hao mòn trong quý	<u>(14.999.040)</u>
Số cuối quý	<u>(287.200.796)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>2.727.606.244</u>
Số cuối quý	<u>2.712.607.204</u>

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	40.090.000.000	22.210.000.000	62.300.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang			
Số cuối quý	<u>40.090.000.000</u>	<u>22.210.000.000</u>	<u>62.300.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(2.035.916.652)	(2.035.916.652)
Hao mòn trong quý	-	<u>(138.812.499)</u>	<u>(138.812.499)</u>
Số cuối quý	-	<u>(2.174.729.151)</u>	<u>(2.174.729.151)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>40.090.000.000</u>	<u>20.174.083.348</u>	<u>60.264.083.348</u>
Số cuối quý	<u>40.090.000.000</u>	<u>20.035.270.849</u>	<u>60.125.270.849</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngắn hạn	590.964.749	80.320.127
Khác	590.964.749	80.320.127
Dài hạn	1.098.272.128	678.048.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài		244.080.695
Công thức nước dừa sâm	155.555.556	155.555.556
Chi phí bảo hiểm	77.665.827	77.665.827
Khác	865.050.745	200.746.488
TỔNG CỘNG	<u>1.689.236.877</u>	<u>758.368.693</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh 16.1</i>)	18.250.000.000	18.225.272.936
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh 16.2</i>)	128.910.000.000	102.910.000.000
TỔNG CỘNG	<u>147.160.000.000</u>	<u>121.135.272.936</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối quý		Số đầu năm		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi (i)	36,5	18.250.000.000	-	-	-

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi ("Đồng Khởi") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301098657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Đồng Khởi có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 25, Ấp Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Đồng Khởi là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đã thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

	VND		
	Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Đồng Khởi	Tổng cộng
Giá gốc đầu tư:			
Số đầu năm	-	18.250.000.000	18.250.000.000
Tăng trong năm	70.000.000.000	-	70.000.000.000
Giảm trong năm	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)
Số cuối quý	-	18.250.000.000	18.250.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	-	-	-
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(646.357.214)	(24.727.064)	(671.084.278)
Thanh lý công ty liên kết trong năm	646.357.214	24.727.064	671.084.278
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	18.250.000.000	18.250.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022		Ngày 01 tháng 01 năm 2022		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ (i)	19	38.000.000.000	-	19	38.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House (ii)	19	22.800.000.000	-	19	22.800.000.000
Công ty Cổ phần Green Portal (iii)	19	13.110.000.000	-	19	13.110.000.000
Công ty Cổ phần Học Viện Khởi Nghiệp Thành Công (iv)				19,3	29.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhà Ở Tiêu Chuẩn Xanh Quốc Tế (v)	6,9	55.000.000.000	-		
		128.910.000.000	-		102.910.000.000
		0	-		0

TỔNG CỘNG

- (i) Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ ("Nhà thuốc và Phòng khám Green+") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Nhà thuốc và Phòng khám Green+ có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà thuốc và Phòng khám Green+ là giao dịch và tiếp thị thuốc.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công ("Học viện Khởi nghiệp Thành Công") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 130105449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2018 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Học viện Khởi nghiệp Thành Công có trụ sở chính đăng ký tại 100D Hùng Vương, Khu phố 4, Phường 5, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Học viện Khởi nghiệp Thành Công là cho thuê tài chính. Trong năm, Công ty đã bán 2.900.000 cổ phần tại Học viện Khởi nghiệp Thành Công cho bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Học viện Khởi nghiệp Thành Công giảm xuống còn 0%.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dream House ("Dream House") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0302073325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2000 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Dream House có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Dream House là bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

(iv) Công ty Cổ phần Green Portal ("Green Portal") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKKD số 0315525794 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2019 và theo các GCNEKKD điều chỉnh. Green Portal có trụ sở chính đăng ký tại 259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Green Portal là cung cấp thông tin điện tử trực tuyến.

(v) Công ty Cổ phần Nhà ở tiêu chuẩn Xanh Quốc tế ("Nhà ở tiêu chuẩn xanh") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKKD số 1301115366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 23 tháng 3 năm 2022. Nhà ở tiêu chuẩn Xanh có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà ở tiêu chuẩn xanh là kinh doanh nhà ở và bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong năm	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Giảm trong năm	VND Ngày 31 tháng 03 năm 2022
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.347.021.246	999.356.106		(7.347.021.246)	999.356.106
Thuế giá trị gia tăng	-	417.391.999		(156.654.939)	417.391.999
Thuế thu nhập cá nhân	156.654.939				
TỔNG CỘNG	7.503.676.185	1.416.726.105		(7.503.676.185)	1.416.726.105
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	127.158.938	91.597.723		(178.836.500)	39.920.161
Thuế khác	-				-
TỔNG CỘNG	127.158.938	91.597.723		(178.836.500)	39.920.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Công ty Cp Tập Đoàn Green+	20.000.000.000	
Công ty TNHH Phân Bón Hưng Phú	<u>9.790.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Nguyên giá:		
Số đầu năm		357.967.930
Giảm do thanh lý		<u>(357.967.930)</u>
Số cuối năm		<u>-</u>
Giá trị phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		(232.679.155)
Phân bổ trong năm		(32.952.664)
Giảm do thanh lý		<u>265.631.819</u>
Số cuối năm		<u>-</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>125.288.775</u>
Số cuối năm		<u>-</u>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

20. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý	VND
Ngắn hạn	3.890.150.442	21.273.229.947	(1.969.971.376)	23.193.409.013	
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	3.890.150.442	21.273.229.947	(1.969.971.376)	23.193.409.013	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	
Dài hạn	-	-	-	-	
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-	
TỔNG CỘNG	3.890.150.442	21.273.229.947	(1.969.971.376)	23.193.409.013	

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối quý	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	23.193.409.013	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 17 tháng 8 năm 2022	7.2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
				Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
				Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bà Thạc Giác, Thành phố Đà Nẵng
				Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 ký ngày 3 tháng 1 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	320.000.000.000	40.000000000	17.018.544.353	377.018.544.353
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	14.997.280.962	14.997.280.962
Số cuối năm	<u>320.000.000.000</u>	<u>40.000000000</u>	<u>32.015.825.315</u>	<u>392.015.825.315</u>
Năm nay		4000000000		
Số đầu năm	320.000.000.000	0	32.015.825.315	392.015.825.315
Phát hành cổ phần (*)	95.940.000.000	57.564.000.000	-	153.504.000.000
Lợi nhuận thuần trong quý	-	-	(2.718.363.513)	(2.718.363.513)
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (**)	-	-	-	-
Số cuối quý	<u>415.940.000.000</u>	<u>97.564.000.000</u>	<u>29.297.461.802</u>	<u>542.801.461.802</u>

(*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 150.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 19 tháng 1 năm 2021. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 vào ngày 8 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 60.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 320.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Việc phát hành cổ phiếu trên đã được hoàn thành vào ngày 9 tháng 4 năm 2021, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 200.000.000 cổ phiếu với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.000.000.000 VND lên 320.000.000.000 VND.

(**) Theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/2021/GREEN+/ĐHĐCĐ-TN ngày 2 tháng 6 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua việc trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền là 374.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 3 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Đặng Đức Thành	12.000.000	28.85	11.693.000	36,54
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	6.000.000	14.43	6.000.000	18,75
Các cổ đông khác	23.494.000	56.72	14.307.000	44,71
TỔNG CỘNG	41.594.000	100	32.000.000	100

21.3 Cổ phiếu

	VND	
	Số cuối quý	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	41.594.000	32.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.594.000	32.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

21.4 Lãi trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		37.764.506.471
Điều chỉnh giảm do trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (i)		-
Lãi (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)		37.764.506.471
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm		28.030.137
Lãi (lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		1.347

(i) Lợi nhuận thuần dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	13.870.241.624	12.207.368.847
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	690.208.072	3.927.680.091
Thanh lý công ty con		(12.264.807.314)
Mua mới công ty con		10.000.000.000
Số cuối kỳ	14.560.449.696	13.870.241.624

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Doanh thu bán hàng	134.131.811.384	1.619.795.984
TỔNG CỘNG	134.131.811.384	1.619.795.984
Trong đó: Các khoản giảm trừ doanh thu	(315.000.000)	
Hàng bán bị trả lại		
TỔNG CỘNG	126.394.227.786	1.619.795.984

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Lãi từ hoạt động đầu tư	1.066.067.549	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.737.647	805.408.201
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.479.874	
TỔNG CỘNG	1.066.067.549	805.408.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Giá vốn hàng bán	133.816.811.384	646.891.939
Giá vốn cho thuê ô vữa, mặt bằng		
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	-	
TỔNG CỘNG	<u>133.816.811.384</u>	<u>646.891.939</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	393.472.115	
Chi phí lãi vay	208.725.558	168.095.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá		
TỔNG CỘNG	<u>602.197.673</u>	<u>168.095.038</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Chi phí bán hàng	709.737.834	569.412.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.801.078	569.412.822
Chi phí tiếp thị		
Chi phí bao bì		
Chi phí khác	152.936.756	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.787.115.592	1.474.277.924
Chi phí nhân viên	2.355.338.896	1.205.372.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.710.695	14.771.040
Chi phí dự phòng	(162.486.113)	
Ứng hộ phòng dịch Covid-19		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.278.126	40.828.125
Chi phí khác	432.273.988	213.305.786
TỔNG CỘNG	<u>3.496.853.426</u>	<u>2.043.690.746</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

26. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Chi phí tài trợ	2.007.500.000	
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động		
Khác	<u>105.043.040</u>	<u>185.923.909</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.112.543.040</u>	<u>185.923.909</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Quý 1/2022	Quý 1/2021
Chi phí thuế TNDN năm nay	<u>999.356.106</u>	

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	_____	_____
Thuế TNDN theo thuế suất 20%		
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ		
Lỗ trong công ty liên kết		
Lãi từ thanh lý công ty con		
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 114/2020/NĐ-CP (*)		
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 92/2021/NĐ-CP (**)		
Chi phí thuế TNDN	<u>_____</u>	<u>_____</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

(*) Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

(**) Căn cứ theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021, trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ VND và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm nay	Năm trước	
Lãi chưa thực hiện	-	1.711.219	(1.711.219)	1.711.219	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.711.219			
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.711.219)	1.711.219	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	70.000.000.000	
		Thoái vốn	38.000.000.000	
		Bán hàng hóa	5.229.500.000	
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	Góp vốn	58.800.000.000	
		Tạm ứng	38.800.000.000	
		Hoàn ứng	38.800.000.000	
		Lương HĐQT	166.465.173	
		Chi hộ Khác	73.800.000	100.000.000
Bà Đặng Bích Vân	Cổ đông	Góp vốn	39.000.000.000	
		Bán hàng hóa	13.078.727	
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	29.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	Công ty liên kết	Góp vốn	18.250.000.000	
		Bán hàng hóa	4.472.000	
Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	18.000.000.000	
		Hoàn ứng	18.000.000.000	
		Lương HĐQT	26.341.715	
		Bán hàng hóa	5.145.454	
		Khác	8.580.400	
Công ty Cổ phần Green Portal	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	13.110.000.000	
		Mua dịch vụ	1.338.636.364	
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Cổ đông/ Thành viên HĐQT	Lương HĐQT	80.000.000	
Bà Lâm Thị Thanh Bích	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc	Mua dịch vụ	-	
Ông Lê Đình Phong	Cổ đông	Tạm ứng	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho quý 1 năm 2022, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	341.00	354,21

31. CÁC TRÌNH BÀY KHÁC CẦN THIẾT VỚI CÔNG TY

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2022